

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**1. Thông tin chung về học phần****- Tên học phần : NGHE TIẾNG TRUNG 4 (Chinese Listening 4)****- Mã số học phần : 1920072****- Số tín chỉ học phần: 2 tín chỉ****- Thuộc chương trình đào tạo của bậc, ngành: Đại học, Ngôn ngữ Trung Quốc****- Số tiết học phần: 30 tiết**

• Nghe giảng lý thuyết : 5 tiết

• Thực hành (Làm bài tập trên lớp / Thảo luận / Hoạt động cá nhân, theo cặp, theo nhóm ...) : 25 tiết

• Tự học : 60 giờ

- Đơn vị phụ trách học phần: TBM Thực hành tiếng Trung**2. Học phần trước: Nghe tiếng Trung 1,2,3****3. Mục tiêu của học phần:**

Sau khi hoàn tất học phần, sinh viên có thể rèn luyện và phát triển khả năng nghe bằng ngôn ngữ tiếng Trung, nắm bắt được ngữ điệu trong các đoạn hội thoại để tra dồi thêm kỹ năng nói, thông qua các đoạn văn ngắn tăng cường thêm vốn từ và tra dồi kỹ năng viết.

Thêm kiến thức về văn hóa nước ngoài để sinh viên có thể sử dụng tiếng Trung thành thạo trong giao tiếp xã hội và chuyên môn

4. Chuẩn đầu ra:

	Nội dung	Đáp ứng CDR CTĐT
	4.1.1. Nhớ và vận dụng các cấu trúc văn phạm, từ vựng, mẫu câu, cụm thành ngữ đã học vào những tình huống thích hợp	PLO – K02
Kỹ năng	4.2.1. Nghe, nhận biết từ khóa và ghi lại ý chính Nâng cao kỹ năng phân tích, phán đoán, chọn lọc thông tin đã nghe để phán đoán đúng sai, chọn đúng từ thích hợp để trả lời câu hỏi đầy đủ và chính xác. Luyện tập tốc	PLO – S02 PLO – S06

	độ, phản xạ nhanh nhằm đáp ứng theo yêu cầu của bài.	
	4.2.2. Học xong học phần này SV có thể nghe hiểu người Trung Quốc sống như thế nào? nhân sinh quan của họ là gì? SV nâng cao được khả năng biểu đạt tiếng Hoa chuẩn xác và lưu loát hơn so với những học kỳ trước. Có thể tham gia chương trình thi Hán ngữ quốc tế trình độ cấp 3 và 4.	PLO – S09
Thái độ	4.3.1. Tích cực rèn luyện kỹ năng nghe hàng ngày (trên lớp và tự học ở nhà)	PLO – A04
	4.3.2. Luôn trau dồi và rèn luyện khả năng tập trung vào bài nghe, hiểu tình huống, đóng góp xây dựng bài và đặt câu hỏi khi không hiểu bài	PLO – A05

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này cung cấp cho sinh viên có khoảng hơn 450 từ vựng, hơn 100 mẫu câu và nhiều điểm ngữ pháp ở trình độ tiền trung cấp....Thông qua thực hành nghe các mẫu đối thoại, các đoạn văn ngắn, SV có thể nghe hiểu các chủ đề thông dụng, gần gũi với đời sống thường nhật của mình như: Chúng ta làm quen với nhau nhé, Ái tình là gì? Tương lai của tôi không còn là mộng nữa ...

6. Nội dung và lịch trình giảng dạy: (Lý thuyết và thực hành)

Buổi/ 2 tiết	Nội dung	Ghi chú
1	- Sinh hoạt lớp: (nhắc nhở nội quy học tập, thời gian dự kiến cho các bài kiểm tra và hình thức kiểm tra, hướng dẫn khái quát phương pháp tự học) 第 1 课	Giải quyết mục tiêu 4.1.1 4.2.1 4.2.2 4.3.1 4.3.2
2	第 2 课	Giải quyết mục tiêu 4.1.1 4.2.1 4.2.2

		4.3.1 4.3.2
3	第 3 课	Giải quyết mục tiêu 4.1.1 4.2.1 4.2.2 4.3.1 4.3.2
4	第 4 课	Giải quyết mục tiêu 4.1.1 4.2.1 4.2.2 4.3.1 4.3.2
5	第 5 课	Giải quyết mục tiêu 4.1.1 4.2.1 4.2.2 4.3.1 4.3.2
6	第 6 课 (第一段)	Giải quyết mục tiêu 4.1.1 4.2.1 4.2.2 4.3.1 4.3.2
7	第 6 课 (第二段)	Giải quyết mục tiêu 4.1.1 4.2.1 4.2.2 4.3.1 4.3.2
8	第 7 课	Giải quyết mục tiêu 4.1.1 4.2.1

		4.2.2 4.3.1 4.3.2
9	第 8 课	Giải quyết mục tiêu 4.1.1 4.2.1 4.2.2 4.3.1 4.3.2
10	第 9 课	Giải quyết mục tiêu 4.1.1 4.2.1 4.2.2 4.3.1 4.3.2
11	第 10 课	Giải quyết mục tiêu 4.1.1 4.2.1 4.2.2 4.3.1 4.3.2
12	回顾与复习一	Giải quyết mục tiêu 4.1.1 4.2.1 4.2.2 4.3.1 4.3.2
13	回顾与复习二	Giải quyết mục tiêu 4.1.1 4.2.1 4.2.2 4.3.1 4.3.2
14	回顾与复习二	Giải quyết mục tiêu 4.1.1 4.2.1

		4.2.2 4.3.1 4.3.2
15	Ôn tập & Tổng kết quá trình học tập	Giải quyết mục tiêu 4.3

7. Nhiệm vụ của sinh viên:

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Đến lớp đúng giờ và tham dự tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết và thực hành.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập cá nhân, cặp, nhóm trong lớp và ở nhà.
- Tham dự đầy đủ các buổi kiểm tra trong lớp và kiểm tra giữa học kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

+ *Hành vi trong lớp học:*

- Không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học
- Không ăn uống, nghe điện thoại, nghe nhạc trong giờ học
- Trong giờ học, máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích học tập

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên:

8.1. Cách đánh giá

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Mục tiêu
1	Điểm chuyên cần	Tham dự đầy đủ số tiết của học phần	10%	4.3.1
2	Điểm đánh giá quá trình	3 bài kiểm tra trên lớp	20%	4.1; 4.2.; 4.3
3	Điểm kiểm tra giữa kỳ	- 1 bài thi tự luận (50 phút)	20%	4.1 ; 4.2;

4	Điểm thi kết thúc học phần	- Thi tự luận (60 phút) - Tham dự đủ 80% tiết lý thuyết và thực hành - Bắt buộc dự thi	50%	4.1; 4.2; 4.3
---	----------------------------	--	-----	---------------

8.2. Cách tính điểm

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 0.5.
- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân.

9. Tài liệu học tập:

9.1. Giáo trình chính:

[1] 中级汉语听说教程-上册 胡晓清 主编 ——北京大学出版社

9.2. Tài liệu tham khảo:

[2] 轻松汉语《中级汉语听力》下册, 李晓美编著, 北京大学出版, 2011.

[3] 《原声汉语》- 初级实况听力教程, 孟国主编, NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội, 2013.

10. Hướng dẫn sinh viên tự học:

Giáo trình : 中级汉语听力 1、2 李铭起编著, 北京语言文化大学出版社, 2000.

Tuần /Buổi	Nội dung	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Nhiệm vụ của sinh viên
1	中级汉语听力 1 第 4 课 小故事两篇	1	3	- Tự học theo nhóm (đã phân nhóm)
2	第 6 课 名字和人	1	3	- Tự học theo nhóm (đã phân nhóm)
3	第 7 课 看到的和想到的	1	3	- Tự học theo nhóm (đã phân nhóm)
4	第 8 课 吵架	1	3	- Tự học theo nhóm (đã phân nhóm)
5	第 9 课 你在等什么	1	3	- Tự học theo nhóm (đã phân nhóm) - Ôn bài chuẩn bị làm bài kiểm tra số 1

6	中级汉语听力 2 第 11 课 认识幸福	1	3	- Tự học theo nhóm (đã phân nhóm)
7	第 12 课 旁白	1	3	- Tự học theo nhóm (đã phân nhóm)
8	第 13 课 赛马	1	3	- Tự học theo nhóm (đã phân nhóm)
9	第 14 课 寻找欢乐	1	3	- Tự học theo nhóm (đã phân nhóm)
10	第 16 课 日记 (一)	1	3	- Tự học theo nhóm (đã phân nhóm)
11	第 17 课 日记 (二)	1	3	- Tự học theo nhóm (đã phân nhóm)
12	第 18 课 岁月不待人	1	3	- Tự học theo nhóm (đã phân nhóm) Ôn bài chuẩn bị làm bài kiểm tra số 2
13	第 19 课 心中的墙	1	3	- Tự học theo nhóm (đã phân nhóm)
14	第 20 课 单元测试 (四)	1	3	Tự học theo nhóm (đã phân nhóm)
15	Ôn bài	1	3	

Ngày.....tháng.....năm.....

Trưởng khoa

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

Tổ trưởng Bộ môn

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

Người biên soạn

(Ký và ghi rõ họ tên)

Th.S Huỳnh Thị Chiêu Uyên

Ngày.....tháng.....năm.....

Ban giám hiệu

